

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2025/DS-ST

Ngày: 09-9-2025

V/v “tranh chấp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Ông Trần Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Bích P, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh N (có mặt).

Bà Lê Thị Cẩm T (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2025 cùng các văn bản kèm theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Bích P trình bày:

- Ngày 15/01/2019 (âm lịch) ông Nguyễn Minh N và bà Lê Thị Cẩm T có mở dây hui 1.000.000 đồng, gồm 55 phần (chưng), hui khui mỗi tháng 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng, bà P có tham gia 02 phần (chưng) hui. Hui khui đến lần thứ 53 thì bà P hót phần hui thứ nhất với số tiền 51.000.000 đồng, đã chung tiền hui đủ. Chung hui thứ hai khui đến lần thứ 55 thì hót hui số tiền 55.000.000 đồng, nhưng đến nay ông N, bà T vẫn chưa chung tiền hui. Ông N, bà T còn nợ số tiền 53.000.000 đồng.

- Ngày 30/7/2019 (âm lịch) ông Nguyễn Minh N và bà Lê Thị Cẩm T có mở dây hụi 1.000.000 đồng, gồm 60 phần (chung), hụi khai mỗi tháng 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng, bà P có tham gia 03 phần (chung) hụi. Bà P đóng hụi đến lần thứ 43 thì ông N, bà T tuyên bố đình hụi, ông N, bà T còn nợ số tiền 129.000.000 đồng.

- Ngày 30/9/2020 (âm lịch) ông Nguyễn Minh N, bà Lê Thị Cẩm T có mở dây hụi 1.000.000 đồng, gồm 75 phần, hụi khai mỗi tháng 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng, bà P có tham gia 01 phần hụi. Bà P đóng hụi đến lần thứ 13 thì ông N, bà T tuyên bố đình hụi, ông N, bà T còn nợ số tiền 13.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi ông N, bà T1 còn nợ là 195.000.000 đồng, trừ tiền còn số tiền 3.250.000 đồng, còn lại số tiền 191.750.000 đồng. Ông N, bà T có trả được số tiền 77.000.000 đồng, còn lại số tiền 114.750.000 đồng. Bà P đã nhiều lần yêu cầu ông N, bà T trả tiền nhưng cứ hẹn mà không trả. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Bích P yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bị đơn ông Nguyễn Minh N, bà Lê Thị Cẩm T trả số tiền còn nợ hụi là 114.750.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Minh N trình bày:

Ông N có mở các dây hụi về thời gian mở hụi, số phần hụi bà Hồ Bích P tham gia và việc đình hụi đúng như bà P trình bày. Ông N thừa nhận còn nợ bà P số tiền đúng như bà P yêu cầu. Tuy nhiên do các hụi viên khác không đóng hụi chết cho ông nên không có tiền để thanh toán tiền nợ hụi cho bà P. Ông N không có ký tên nhận nợ nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Cẩm T đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng bà T vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bà Hồ Bích P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Minh N và bà Lê Thị Cẩm T trả tiền nợ hụi. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hụi*” theo quy định tại Điều 26, Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 3-Cà Mau. Tòa án nhân dân Khu vực 3-Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Xét về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Lê Thị Cẩm T được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Lê Thị Cẩm T theo quy định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn bà Hồ Bích P xác định, dây hụi mở ngày 15/01/2019 (âm lịch) bà P có tham gia 02 chung. Hụi khai đến lần

thứ 53 thì bà P hốt chung hội thứ nhất với số tiền 51.000.000 đồng, đã chung tiền hội đủ. Chung hội thứ hai khai đến lần thứ 55 thì hốt hội số tiền 55.000.000 đồng, nhưng đến nay ông N, bà T vẫn chưa chung tiền hội. Ông N, bà T còn nợ số tiền 53.000.000 đồng. Dây hội mở ngày 30/7/2019 (âm lịch) bà P có tham gia 03 phần (chung) hội. Bà P đóng hội đến lần thứ 43 thì ông N, bà T tuyên bố đình hội, T2 theo hội sống ông N, bà T nợ số tiền 129.000.000 đồng. Dây hội mở ngày 30/9/2020 (âm lịch) bà P có tham gia 01 phần hội. Bà P đóng hội đến lần thứ 13 thì ông N, bà T tuyên bố đình hội. Tính theo hội sống ông N, bà T còn nợ số tiền 13.000.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Bích P yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bị đơn ông Nguyễn Minh N, bà Lê Thị Cẩm T trả số tiền còn nợ hội là 114.750.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Bị đơn ông Nguyễn Minh N thừa nhận ông có mở các dây hội về thời gian mở hội, số phần (chung) hội nguyên đơn tham gia và việc đình hội đúng như nguyên đơn trình bày. Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền hội đúng như nguyên đơn yêu cầu. Do các hội viên khác không đóng hội chết cho bị đơn nên không có tiền để thanh toán nợ hội cho nguyên đơn. Tuy nhiên bị đơn cho rằng không có ký tên nhận nợ nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn. Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có tham gia giao dịch hội là thực tế xảy ra và còn nợ tiền hội đúng như nguyên đơn yêu cầu.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Lê Thị Cẩm T có trách nhiệm cùng với bị đơn ông N trả số tiền nợ hội 114.750.000 đồng. Xét thấy trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tổng đạt hợp lệ cho bà T nhưng bà T vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà T đã thừa nhận nợ nên không có ý kiến gì. Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần buộc bị đơn ông Nguyễn Minh N, bà Lê Thị Cẩm T trả cho nguyên đơn bà Hồ Bích P số tiền 114.750.000 đồng là phù hợp.

[5] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Bích P, buộc bị đơn ông Nguyễn Minh N, bà Lê Thị Cẩm T trả cho bà P số tiền 114.750.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Minh N và bà Lê Thị Cẩm T phải chịu 5.737.500 đồng (Năm triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí số tiền 2.868.750 đồng, theo biên lai thu số 0004062 ngày 24 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3- Cà Mau) được hoàn lại.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3-Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Luân